

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM<sup>(1)</sup>**  
**(Ngày 30 tháng 12 năm 2025)<sup>(2)</sup>**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: VŨ THỊ HUYỀN. Ngày tháng năm sinh: 01/9/1977.
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường mầm non Hoa Lan.
- Nơi thường trú: Số nhà 22/89 Chợ Con – Lê Chân – Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 031177009868.  
ngày cấp 12/04/2022 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Đình Sâm. Ngày tháng năm sinh: 25/03/1969.
- Nghề nghiệp: Thợ điện.
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: Tự do.
- Nơi thường trú: Số nhà 22/89 Chợ Con – Lê Chân – Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 030069002102 ngày cấp 07/04/2017 nơi cấp : Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất: Đã thành niên.

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: Nguyễn Ban Mai. Ngày tháng năm sinh: 14/7/2011.
- Nơi thường trú: Số nhà 22/89 Chợ Con – Lê Chân – Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031311017173.  
ngày cấp 07/10/2024 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

- 1.1.1. Thừa thứ nhất: *Chuy*



- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Số 16 Lô 124 khu Công nhân Dư Hàng – Phường Lê Chân – thành phố Hải Phòng.

- Diện tích<sup>(9)</sup>: 34.3 m<sup>2</sup>.

- Giá trị<sup>(10)</sup>: Không xác định được giá trị.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: CH000003 ngày 09/01/2020. Do Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng cấp, người đứng tên : Chồng - ông Nguyễn Đình Sâm, vợ - bà Vũ Thị Huyền.

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: .....

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không.

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: Không.

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: - Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: .....

- Địa chỉ: Số nhà 16 Lô 124 khu Công nhân Dư Hàng – Phường Lê Chân – thành phố Hải Phòng.

- Loại nhà<sup>(14)</sup>: nhà ở riêng lẻ.

- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: 34.3 m<sup>2</sup>.

- Giá trị<sup>(10)</sup>: Không xác định được giá trị.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: CH000003 ngày 09/01/2020 . Do Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng cấp, người đứng tên : Chồng - ông Nguyễn Đình Sâm, vợ - bà Vũ Thị Huyền.

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không.

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>: Không.

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....

- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

*Nguyễn*

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: Không.

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: Không.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: Không.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không.

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không. *Nguyễn*



7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>. Không.

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không.

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 320.943.995 đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 236.943.995 đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 84.000.000 đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không.

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không.

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM** <sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			

*Chữ ký*

<p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p>		<p>+320.943.995 đ</p>	<p>Thu nhập từ lương, phụ cấp chức vụ.</p>
---	--	-----------------------	--

HAI PH.

P. Lê Chân ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

HIỆU TRƯỞNG



Lương Thị Liên

P. Lê Chân ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

*Handwritten signature*

Vũ Thị Huyền

*Handwritten signature*

